

Số: 5048 /ĐHKHTN-TB

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

**Danh sách tập thể và cá nhân đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2025 (Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc; Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị

Căn cứ điểm 6 Điều 41 Quyết định số 3166/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng tại Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thông báo danh sách tập thể và cá nhân đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2025 (Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc; Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; bằng khen của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

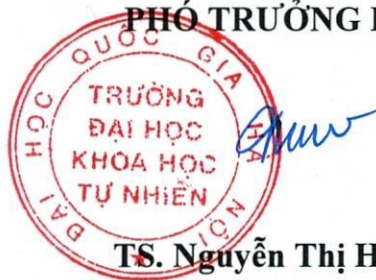
Trường đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thông báo đến các tập thể và cá nhân trong đơn vị được biết. Các ý kiến phản hồi (nếu có) gửi về Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính (Phòng 306, nhà T1) bằng văn bản trước 16 giờ 00 phút ngày 06/01/2026.

Trân trọng thông báo./.

**TL.HIỆU TRƯỞNG**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG TCCB-HC**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: TCCB-HC, VT, X03.



**TS. Nguyễn Thị Hồng Doan**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
DANH HIỆU TẬP THỂ LAO ĐỘNG TIỀN TIẾN NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| TT  | Đơn vị                                                                  | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Phiếu bầu<br>của HĐ<br>Trường | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 1.  | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên                                        |                         |                               |            |
| 2.  | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                                | 68/68                   |                               |            |
| 3.  | Bộ môn Toán học tính toán và Toán ứng dụng<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học  | 68/68                   |                               |            |
| 4.  | Bộ môn Đại số - Hình học - Tôpô,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học            | 68/68                   |                               |            |
| 5.  | Bộ môn Cơ học,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                              | 68/68                   |                               |            |
| 6.  | Bộ môn Giải tích,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                           | 68/68                   |                               |            |
| 7.  | Bộ môn Tin học,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                             | 68/68                   |                               |            |
| 8.  | Bộ môn Xác suất-thống kê,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                   | 68/68                   |                               |            |
| 9.  | Bộ môn Phương trình Vi phân và Hệ động lực,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |                               |            |
| 10. | Phòng Thí nghiệm Khoa học dữ liệu,<br>Khoa Toán - Cơ - Tin học          | 68/68                   |                               |            |
| 11. | Tổ Văn phòng,<br>Khoa Toán-Cơ-Tin học                                   | 68/68                   |                               |            |
| 12. | Khoa Vật lý                                                             | 64/64                   |                               |            |
| 13. | Bộ môn Vật lý Chất rắn,<br>Khoa Vật lý                                  | 64/64                   |                               |            |
| 14. | Bộ môn Quang lượng tử,<br>Khoa Vật lý                                   | 64/64                   |                               |            |
| 15. | Bộ môn Vật lý Lý thuyết,<br>Khoa Vật lý                                 | 64/64                   |                               |            |
| 16. | Bộ môn Tin học Vật lý,<br>Khoa Vật lý                                   | 64/64                   |                               |            |
| 17. | Trung tâm Khoa học Vật liệu,<br>Khoa Vật lý                             | 64/64                   |                               |            |
| 18. | Tổ Văn phòng,<br>Khoa Vật lý                                            | 64/64                   |                               |            |
| 19. | Bộ môn Vật lý Đại cương,<br>Khoa Vật lý                                 | 64/64                   |                               |            |

| TT  | Đơn vị                                                                                         | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Phiếu bầu<br>của HĐ<br>Trường | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 20. | Bộ môn Vật lý Hạt nhân,<br>Khoa Vật lý                                                         | 64/64                   |                               |            |
| 21. | Bộ môn Vật lý Địa cầu,<br>Khoa Vật lý                                                          | 64/64                   |                               |            |
| 22. | Phòng Thí nghiệm trọng điểm Khoa học tính toán<br>đa tỷ lệ cho các hệ phức hợp,<br>Khoa Vật lý | 64/64                   |                               |            |
| 23. | Bộ môn Vật lý Vô tuyến,<br>Khoa Vật lý                                                         | 64/64                   |                               |            |
| 24. | Trung tâm Nano và Năng lượng,<br>Khoa Vật lý                                                   | 64/64                   |                               |            |
| 25. | Khoa Hóa học                                                                                   | 69/69                   |                               |            |
| 26. | Bộ môn Hóa học vô cơ,<br>Khoa Hóa học                                                          | 69/69                   |                               |            |
| 27. | Bộ môn Hóa học hữu cơ,<br>Khoa Hóa học                                                         | 69/69                   |                               |            |
| 28. | Bộ môn Hóa học phân tích,<br>Khoa Hóa học                                                      | 69/69                   |                               |            |
| 29. | Bộ môn Hóa lý,<br>Khoa Hóa học                                                                 | 69/69                   |                               |            |
| 30. | Bộ môn Công nghệ Hóa học,<br>Khoa Hóa học                                                      | 69/69                   |                               |            |
| 31. | Bộ môn Hóa học dầu mỏ,<br>Khoa Hóa học                                                         | 69/69                   |                               |            |
| 32. | Phòng thí nghiệm Hóa dược,<br>Khoa Hóa học                                                     | 69/69                   |                               |            |
| 33. | Phòng thí nghiệm trọng điểm phát triển năng<br>lượng sinh học,<br>Khoa Hóa học                 | 69/69                   |                               |            |
| 34. | Phòng thí nghiệm trọng điểm vật liệu tiên tiến ứng<br>dụng trong phát triển xanh, Khoa Hóa học | 69/69                   |                               |            |
| 35. | Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ môi trường và<br>Phát triển bền vững,<br>Khoa Hóa học           | 69/69                   |                               |            |
| 36. | Tổ Văn phòng,<br>Khoa Hóa học                                                                  | 69/69                   |                               |            |
| 37. | Khoa Sinh học                                                                                  | 68/68                   |                               |            |
| 38. | Bộ môn Khoa học Thực vật,<br>Khoa Sinh học                                                     | 68/68                   |                               |            |
| 39. | Bộ môn Động vật học và Bảo tồn,<br>Khoa Sinh học                                               | 67/68                   |                               |            |
| 40. | Bộ môn Hóa sinh và Sinh học phân tử,<br>Khoa Sinh học                                          | 68/68                   |                               |            |
| 41. | Bộ môn Sinh học Tế bào,<br>Khoa Sinh học                                                       | 68/68                   |                               |            |
| 42. | Bộ môn Di truyền học,<br>Khoa Sinh học                                                         | 68/68                   |                               |            |

| TT  | Đơn vị                                                                                   | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Phiếu bầu<br>của HĐ<br>Trường | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 43. | Bộ môn Vi sinh vật học,<br>Khoa Sinh học                                                 | 68/68                   |                               |            |
| 44. | Bộ môn Sinh lý học và Sinh học người,<br>Khoa Sinh học                                   | 68/68                   |                               |            |
| 45. | Bộ môn Sinh thái học,<br>Khoa Sinh học                                                   | 68/68                   |                               |            |
| 46. | Tổ Văn phòng,<br>Khoa Sinh học                                                           | 68/68                   |                               |            |
| 47. | Bộ môn Động vật học ứng dụng,<br>Khoa Sinh học                                           | 68/68                   |                               |            |
| 48. | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học sự sống,<br>Khoa Sinh học                                  | 68/68                   |                               |            |
| 49. | Phòng Bảo tàng Sinh học,<br>Khoa Sinh học                                                | 68/68                   |                               |            |
| 50. | Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ Enzym<br>và Protein, Khoa Sinh học                 | 68/68                   |                               |            |
| 51. | Khoa Địa lý                                                                              | 33/33                   |                               |            |
| 52. | Bộ môn Sinh thái Cảnh quan và Môi trường,<br>Khoa Địa lý                                 | 33/33                   |                               |            |
| 53. | Bộ môn Địa mạo và Địa lý - Môi trường biển<br>Khoa Địa lý                                | 33/33                   |                               |            |
| 54. | Bộ môn Công nghệ Địa không gian,<br>Khoa Địa lý                                          | 33/33                   |                               |            |
| 55. | Bộ môn Địa Nhân văn và Quy hoạch,<br>Khoa Địa lý                                         | 33/33                   |                               |            |
| 56. | Bộ môn Quản lý đất đai và Bất động sản,<br>Khoa Địa lý                                   | 33/33                   |                               |            |
| 57. | Bộ môn Công nghệ và Thông tin đất đai,<br>Khoa Địa lý                                    | 33/33                   |                               |            |
| 58. | Tổ Văn phòng, Khoa Địa lý                                                                | 33/33                   |                               |            |
| 59. | Khoa Địa chất                                                                            | 27/27                   |                               |            |
| 60. | Bộ môn Địa kỹ thuật và Địa chất môi trường,<br>Khoa Địa chất                             | 27/27                   |                               |            |
| 61. | Bộ môn Khoa học và Công nghệ Địa chất,<br>Khoa Địa chất                                  | 27/27                   |                               |            |
| 62. | Bộ môn Trầm tích và Địa chất biển,<br>Khoa Địa chất                                      | 27/27                   |                               |            |
| 63. | Bộ môn Dầu khí và Năng lượng,<br>Khoa Địa chất                                           | 27/27                   |                               |            |
| 64. | Bộ môn Quản lý và Phát triển Tài nguyên,<br>Khoa Địa chất                                | 27/27                   |                               |            |
| 65. | Tổ Văn phòng, Khoa Địa chất                                                              | 27/27                   |                               |            |
| 66. | Phòng thí nghiệm trọng điểm Địa Môi trường và<br>Ứng phó biến đổi khí hậu, Khoa Địa chất | 27/27                   |                               |            |

| TT  | Đơn vị                                                                                                                            | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Phiếu bầu<br>của HĐ<br>Trường | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 67. | <b>Khoa Khí tượng, Thủy văn và Hải dương học</b>                                                                                  | 20/21                   |                               |            |
| 68. | <b>Bộ môn Khí tượng và Biến đổi khí hậu</b><br>Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học                                           | 20/21                   |                               |            |
| 69. | <b>Bộ môn Thủy văn và Tài nguyên nước</b><br>Khoa Khí tượng, Thủy văn và Hải dương học                                            | 20/21                   |                               |            |
| 70. | <b>Bộ môn Khoa học và Công nghệ biển,</b><br>Khoa Khí tượng, Thủy văn và Hải dương học                                            | 20/21                   |                               |            |
| 71. | <b>Tổ Văn phòng,</b><br>Khoa Khí tượng, Thủy văn và Hải dương học                                                                 | 20/21                   |                               |            |
| 72. | <b>Khoa Môi trường</b>                                                                                                            | 47/47/47                |                               |            |
| 73. | <b>Bộ môn Sinh thái Môi trường,</b><br>Khoa Môi trường                                                                            | 47/47/47                |                               |            |
| 74. | <b>Bộ môn Quản lý Môi trường,</b><br>Khoa Môi trường                                                                              | 47/47/47                |                               |            |
| 75. | <b>Bộ môn An toàn môi trường và thực phẩm,</b><br>Khoa Môi trường                                                                 | 47/47/47                |                               |            |
| 76. | <b>Bộ môn Công nghệ Môi trường,</b><br>Khoa Môi trường                                                                            | 47/47/47                |                               |            |
| 77. | <b>Tổ Văn phòng,</b><br>Khoa Môi trường                                                                                           | 47/47/47                |                               |            |
| 78. | <b>Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm,</b><br>Khoa Môi trường                                                                 | 47/47/47                |                               |            |
| 79. | <b>Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững,</b><br>Khoa Môi trường                                                               | 47/47/47                |                               |            |
| 80. | <b>Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất,</b><br>Khoa Môi trường                                                                    | 47/47/47                |                               |            |
| 81. | <b>Phòng Thí nghiệm trọng điểm Công nghệ phân tích<br/>phục vụ kiểm định môi trường và an toàn thực<br/>phẩm, Khoa Môi trường</b> | 45/47/47                |                               |            |
| 82. | <b>Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ môi<br/>trường xanh và tái chế chất thải, Khoa Môi trường</b>                            | 44/47/47                |                               |            |
| 83. | <b>Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên</b>                                                                                       | 64/64                   |                               |            |
| 84. | <b>Văn phòng,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                                      | 64/64                   |                               |            |
| 85. | <b>Bộ môn chuyên Sinh học,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                         | 64/64                   |                               |            |
| 86. | <b>Bộ môn chuyên Toán học,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                         | 64/64                   |                               |            |
| 87. | <b>Bộ môn chuyên Vật lý,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                           | 64/64                   |                               |            |
| 88. | <b>Bộ môn chuyên Tin học,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                          | 64/64                   |                               |            |
| 89. | <b>Bộ môn chuyên Hóa học,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                          | 64/64                   |                               |            |
| 90. | <b>Bộ môn Khoa học Xã hội,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                                         | 64/64                   |                               |            |

| TT   | Đơn vị                                                                                      | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Phiếu bầu<br>của HĐ<br>Trường | Ghi<br>chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------|------------|
| 91.  | Bộ môn Ngoại ngữ,<br>Trường THPT Chuyên KHTN                                                | 64/64                   |                               |            |
| 92.  | Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên                                                              | 09/09                   |                               |            |
| 93.  | Trung tâm Nghiên cứu Quan trắc và Mô hình hóa<br>Môi trường, Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên | 09/09                   |                               |            |
| 94.  | Trung tâm Động lực học Thủy Khí Môi trường,<br>Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên               | 09/09                   |                               |            |
| 95.  | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính                                                           | 18/18/20                |                               |            |
| 96.  | Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên                                                       | 10/10                   |                               |            |
| 97.  | Phòng Đào tạo                                                                               | 15/15/17                |                               |            |
| 98.  | Phòng Hợp tác và Phát triển                                                                 | 07/07                   |                               |            |
| 99.  | Phòng Kế hoạch - Tài chính                                                                  | 08/08/09                |                               |            |
| 100. | Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số                                                  | 10/10                   |                               |            |
| 101. | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 24/24/26                |                               |            |
| 102. | Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng                                             | 04/04                   |                               |            |

Danh sách gồm 102 tập thể./.

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG**  
**DANH HIỆU TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 25 / 12 / 2025 của Trường ĐHKHTN)

| TT  | Đơn vị                                                                                   | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 1.  | <b>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên</b>                                                  |                         |         |
| 2.  | <b>Khoa Toán - Cơ - Tin học</b>                                                          | 68/68                   |         |
| 3.  | <b>Bộ môn Tin học,</b><br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                                       | 68/68                   |         |
| 4.  | <b>Bộ môn Xác suất-thống kê,</b><br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                             | 68/68                   |         |
| 5.  | <b>Phòng Thí nghiệm Khoa học dữ liệu,</b><br>Khoa Toán - Cơ - Tin học                    | 68/68                   |         |
| 6.  | <b>Bộ môn Vật lý Lý thuyết,</b><br>Khoa Vật lý                                           | 64/64                   |         |
| 7.  | <b>Bộ môn Vật lý Đại cương,</b><br>Khoa Vật lý                                           | 64/64                   |         |
| 8.  | <b>Khoa Hóa học</b>                                                                      | 69/69                   |         |
| 9.  | <b>Bộ môn Hóa học phân tích,</b><br>Khoa Hóa học                                         | 69/69                   |         |
| 10. | <b>Bộ môn Hóa học dầu mỏ,</b><br>Khoa Hóa học                                            | 69/69                   |         |
| 11. | <b>Khoa Sinh học</b>                                                                     | 68/68                   |         |
| 12. | <b>Bộ môn Động vật học và Bảo tồn,</b><br>Khoa Sinh học                                  | 67/68                   |         |
| 13. | <b>Bộ môn Sinh học Tế bào,</b><br>Khoa Sinh học                                          | 68/68                   |         |
| 14. | <b>Bộ môn Quản lý đất đai và Bất động sản,</b><br>Khoa Địa lý                            | 33/33                   |         |
| 15. | <b>Bộ môn Công nghệ và Thông tin đất đai,</b><br>Khoa Địa lý                             | 33/33                   |         |
| 16. | <b>Khoa Địa chất</b>                                                                     | 27/27                   |         |
| 17. | <b>Bộ môn Địa kỹ thuật và Địa chất môi trường,</b><br>Khoa Địa chất                      | 27/27                   |         |
| 18. | <b>Bộ môn Khí tượng và Biến đổi khí hậu,</b><br>Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học | 20/21                   |         |
| 19. | <b>Khoa Môi trường</b>                                                                   | 47/47                   |         |
| 20. | <b>Trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên</b>                                              | 64/64                   |         |
| 21. | <b>Bộ môn chuyên Hóa học,</b><br>Trường THPT Chuyên KHTN                                 | 64/64                   |         |

| TT  | Đơn vị                                          | Phiếu bầu<br>của đơn vị | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 22. | Bộ môn Ngoại ngữ,<br>Trường THPT Chuyên KHTN    | 64/64                   |         |
| 23. | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính               | 18/18/20                |         |
| 24. | Phòng Chính trị và Công tác Sinh viên           | 10/10                   |         |
| 25. | Phòng Đào tạo                                   | 15/15/17                |         |
| 26. | Phòng Hợp tác và Phát triển                     | 07/07                   |         |
| 27. | Phòng Kế hoạch - Tài chính                      | 08/08/09                |         |
| 28. | Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số      | 10/10                   |         |
| 29. | Phòng Quản trị - Bảo vệ                         | 24/24/26                |         |
| 30. | Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng | 04/04                   |         |

Danh sách gồm 30 tập thể. 

Danh sách số 03

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ TẶNG CỜ THI ĐUA  
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: 5748/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| TT | Tên đơn vị                           | Số phiếu<br>bầu đơn vị | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|------------------------|---------|
| 1. | Khoa Vật lý                          | 64/64                  |         |
| 2. | Khoa Hóa học                         | 69/69                  |         |
| 3. | Trường THPT Chuyên Khoa học Tự nhiên | 64/64                  |         |
| 4. | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính    | 18/18/20               |         |

Danh sách gồm 04 tập thể./. *aw*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ TẶNG CỜ THI ĐUA  
CỦA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 15/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| TT | Tên đơn vị                                            | Số phiếu<br>bầu đơn vị | Ghi chú                                |
|----|-------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|
| 1. | Khoa Vật lý                                           | 64/64                  |                                        |
| 2. | PTN Vật liệu Tiên tiến ứng dụng trong phát triển xanh | 69/69                  | Không<br>thuộc đối<br>tượng<br>tặng Cờ |

Danh sách gồm 02 tập thể./.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025**  
(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| STT | Tên tập thể                                               | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
| 1.  | Khoa Vật lý                                               | 64/64                         |            |
| 2.  | Khoa Địa chất                                             | 27/27                         |            |
| 3.  | Bộ môn Địa kỹ thuật và Địa chất môi trường, Khoa Địa chất | 27/27                         |            |

Danh sách gồm 03 tập thể./. *an*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**DANH SÁCH TẬP THỂ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG**  
**BẰNG KHEN CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2025**  
(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2023 của Trường ĐHKHTN)

| STT | Tên tập thể                                                                           | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 1.  | Bộ môn Vật lý Vô tuyến, Khoa Vật lý                                                   | 64/64                   |         |
| 2.  | Phòng Thí nghiệm Vật liệu Tiên tiến ứng dụng trong phát triển xanh, Khoa Hóa học      | 69/69                   |         |
| 3.  | Bộ môn Khoa học và Công nghệ Địa chất, Khoa Địa chất                                  | 27/27                   |         |
| 4.  | Phòng thí nghiệm trọng điểm Địa Môi trường và Ứng phó biến đổi khí hậu, Khoa Địa chất | 27/27                   |         |
| 5.  | Phòng Chính trị Công tác sinh viên và Truyền thông                                    | 10/10                   |         |

Danh sách gồm 05 tập thể./. *aw*

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
BẰNG KHEN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 5748 /ĐHKHTN-TB ngày 25 / 12 /2025 của Trường ĐHKHTN)

| STT | Ông/<br>bà | Học<br>hàm,<br>học vị | Họ và tên          | Chức danh, Chức<br>vụ, đơn vị công tác                    | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.  | Ông        | PGS.TS.               | Nguyễn Ngọc Đình   | Giảng viên, Phó<br>Trưởng khoa Vật lý                     | 64/64                         |         |
| 2.  | Ông        | PGS.TS.               | Lê Tuấn Tú         | Giảng viên cao cấp,<br>Phó Trưởng Bộ<br>môn, Khoa Vật lý  | 64/64                         |         |
| 3.  | Ông        | PGS.TS.               | Nguyễn Hoàng Nam   | Giảng viên cao cấp,<br>Giám đốc Trung<br>tâm, Khoa Vật lý | 62/64                         |         |
| 4.  | Ông        | PGS.TS.               | Trần Hải Đức       | Giảng viên cao cấp,<br>Khoa Vật lý                        | 62/64                         |         |
| 5.  | Ông        | TS.                   | Hoàng Quốc Anh     | Giảng viên, Khoa<br>Hóa học                               | 68/69                         |         |
| 6.  | Ông        | PGS.TS.               | Trần Mạnh Trí      | Giảng viên cao cấp,<br>Trưởng Bộ môn,<br>Khoa Hóa học     | 68/69                         |         |
| 7.  | Ông        | GS.TS.                | Nguyễn Đình Thành  | Giảng viên cao cấp,<br>Khoa Hóa học                       | 68/69                         |         |
| 8.  | Ông        | PGS.TS.               | Trần Đình Trinh    | Giám đốc Phòng Thí<br>nghiệm trọng điểm,<br>Khoa Hoá học  | 68/69                         |         |
| 9.  | Ông        | PGS.TS.               | Nguyễn Xuân Viết   | Trưởng Bộ môn,<br>Khoa Hoá học                            | 68/69                         |         |
| 10. | Bà         | PGS.TS.               | Lê Quỳnh Mai       | Giảng viên, Khoa<br>Sinh học                              | 68/68                         |         |
| 11. | Bà         | TS.                   | Nguyễn Thị Tú Linh | Giảng viên, Khoa<br>Sinh học                              | 68/68                         |         |
| 12. | Bà         | TS.                   | Lê Thị Hồng Nhung  | Giảng viên, Khoa<br>Sinh học                              | 66/68                         |         |
| 13. | Ông        | TS.                   | Phạm Văn Mạnh      | Giảng viên, Phó<br>Trưởng bộ môn,<br>Khoa Địa lý          | 33/33                         |         |
| 14. | Bà         | PGS.TS                | Nguyễn Thị Thu Hà  | Giảng viên cao cấp,<br>Trưởng Bộ môn,<br>Khoa Địa chất    | 27/27                         |         |

| STT | Ông/<br>bà | Học<br>hàm,<br>học vị | Họ và tên             | Chức danh, Chức<br>vụ, đơn vị công tác                                                  | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 15. | Ông        | TS.                   | Nguyễn Đình Thái      | Giảng viên, Khoa<br>Địa chất                                                            | 27/27                         |         |
| 16. | Bà         | TS.                   | Nguyễn Thị Hải        | Giảng viên, Khoa<br>Địa chất                                                            | 26/27                         |         |
| 17. | Bà         | TS.                   | Tạ Thị Hoài           | Giảng viên, Khoa<br>Địa chất                                                            | 26/27                         |         |
| 18. | Bà         | TS.                   | Trần Thị Minh Hằng    | Giảng viên, Khoa<br>Môi trường                                                          | 40/47                         |         |
| 19. | Ông        | PGS.TS.               | Nguyễn Công Toàn      | Giảng viên, Trường<br>THPT Chuyên Khoa<br>học Tự nhiên                                  | 64/64                         |         |
| 20. | Ông        | TS.                   | Nguyễn Bảo Trung      | Giảng viên, Trưởng<br>bộ môn, Trường<br>THPT Chuyên Khoa<br>học Tự nhiên                | 64/64                         |         |
| 21. | Ông        | TS.                   | Lê Công Lợi           | Giảng viên, Hiệu<br>trưởng Trường<br>THPT Chuyên Khoa<br>học Tự nhiên                   | 63/64                         |         |
| 22. | Ông        | TS.                   | Nguyễn Quang<br>Trung | Giáo viên THPT<br>hạng II, Trưởng Bộ<br>môn, Trường THPT<br>Chuyên Khoa học<br>Tự nhiên | 61/64                         |         |
| 23. | Ông        | TS.                   | Bùi Thanh Tú          | Giảng viên, Trưởng<br>phòng Phòng Thanh<br>tra, Pháp chế và<br>Đảm bảo chất lượng       | 4/4                           |         |

Danh sách gồm 23 cá nhân./ 

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG**  
**BẰNG KHEN CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2025**  
(Kèm theo Thông báo số: 5048/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| STT | Ông/<br>Bà | Học hàm,<br>học vị | Họ và tên          | Chức danh, Chức<br>vụ, đơn vị công tác                                                                        | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.  | Ông        | TS.                | Nguyễn Mạnh Hà     | Nghiên cứu viên,<br>Khoa Hóa học                                                                              | 69/69                         |         |
| 2.  | Bà         | PGS.TS             | Lê Thị Huyền       | Phó Trưởng<br>Phòng Thí<br>nghiệm, Khoa<br>Hóa học                                                            | 69/69                         |         |
| 3.  | Ông        | PGS.TS.            | Nguyễn Minh Ngọc   | Trưởng khoa Hóa<br>học                                                                                        | 69/69                         |         |
| 4.  | Ông        | PGS.TS.            | Nguyễn Minh Việt   | Giảng viên, Khoa<br>Hóa học                                                                                   | 69/69                         |         |
| 5.  | Ông        | TS.                | Hà Minh Ngọc       | Nghiên cứu viên,<br>Khoa Hóa học                                                                              | 67/69                         |         |
| 6.  | Ông        | TS.                | Đặng Nhật Minh     | Nghiên cứu viên,<br>Khoa Hóa học                                                                              | 66/69                         |         |
| 7.  | Nữ         | ThS.               | Đinh Thị Như Quỳnh | Kế toán viên,<br>Phòng Thí<br>nghiệm trọng<br>điểm Vật liệu tiên<br>tiên ứng dụng<br>trong phát triển<br>xanh | 66/69                         |         |
| 8.  | Ông        | TS.                | Ngô Văn Liêm       | Giảng viên chính,<br>Trưởng Bộ môn,<br>Khoa Địa lý                                                            | 33/33                         |         |
| 9.  | Ông        | TS.                | Phạm Sỹ Liêm       | Giảng viên, Phó<br>Trưởng khoa Địa<br>lý                                                                      | 33/33                         |         |

|     |     |         |                          |                                                                    |          |  |
|-----|-----|---------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------|--|
| 10. | Bà  | PGS.TS. | Nguyễn Thị Hà Thành      | Giảng viên cao cấp, Trưởng Bộ môn, Khoa Địa lý                     | 33/33    |  |
| 11. | Bà  | PGS.TS. | Nguyễn Thuỳ Dương        | Giảng viên cao cấp, Khoa Địa chất                                  | 27/27    |  |
| 12. | Ông | TS.     | Nguyễn Quốc Tuấn         | Giảng viên, Khoa Địa chất                                          | 27/27    |  |
| 13. | Bà  | ThS.    | Nguyễn Thiên Phương Thảo | Nghiên cứu viên, Khoa Địa chất                                     | 26/27    |  |
| 14. | Ông | PGS.TS. | Phạm Văn Anh             | Giảng viên cao cấp, Khoa Môi trường                                | 47/47/47 |  |
| 15. | Ông | PGS.TS. | Nguyễn Văn Lợi           | Giảng viên cao cấp, Trưởng Bộ môn, Khoa Môi trường                 | 46/47/47 |  |
| 16. | Ông | PGS.TS. | Trần Văn Quy             | Giảng viên cao cấp, Khoa Môi trường                                | 43/47/47 |  |
| 17. | Ông | ThS.    | Nguyễn Bách Tùng         | Trưởng văn phòng đại diện phía Nam, Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên | 09/09    |  |
| 18. | Bà  | CN.     | Nguyễn Lê Minh Hà        | Chuyên viên, Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên                        | 09/09    |  |
| 19. | Bà  | ThS.    | Đinh Thị Hương           | Chuyên viên chính, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng | 4/4      |  |
| 20. | Ông | TS.     | Đinh Nho Thái            | Giảng viên, Phó Trưởng Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số  | 10/10    |  |

|     |     |      |                   |                                                                                                          |          |  |
|-----|-----|------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|
| 21. | Bà  | ThS. | Trần Thị Thu Thủy | Chuyên viên,<br>Phòng Đào tạo                                                                            | 15/15/17 |  |
| 22. | Bà  | ThS. | Phạm Thị Lê Thủy  | Chuyên viên<br>chính, Phó<br>Trưởng phòng<br>Phòng Chính trị<br>Công tác sinh<br>viên và Truyền<br>thông | 10/10    |  |
| 23. | Ông | ThS. | Phạm Đình Hiệu    | Chuyên viên<br>chính, Phòng<br>Chính trị Công<br>tác sinh viên và<br>Truyền thông                        | 10/10    |  |

Danh sách gồm 23 cá nhân./ 

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CẤP CƠ SỞ NĂM 2025**

(Kèm theo Thông báo số: 5248/ĐHKHTN-TB ngày 25/12/2025 của Trường ĐHKHTN)

| STT | STT của đơn vị | Họ và tên        | Đơn vị                                                     | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 1.  | 1.             | Vũ Hoàng Linh    | Ban Giám hiệu (Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính)          | 17/18/20                |         |
| 2.  | 2.             | Lê Thanh Sơn     | Ban Giám hiệu (Phòng Hợp tác và Phát triển)                | 07/07                   |         |
| 3.  | 3.             | Ngọc An Bang     | Ban Giám hiệu (Phòng Kế hoạch - Tài chính)                 | 08/08/09                |         |
| 4.  | 4.             | Trần Quốc Bình   | Ban Giám hiệu (Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số) | 10/10                   |         |
| 5.  | 5.             | Trần Mạnh Cường  | Ban Giám hiệu (Phòng Đào tạo)                              | 15/15/17                |         |
| 6.  | 1.             | Vũ Tiến Dũng     | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 7.  | 2.             | Lê Quý Thường    | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 8.  | 3.             | Nguyễn Thị Tâm   | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 9.  | 4.             | Ngô Thị Thương   | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 10. | 5.             | Nguyễn Tiến Dũng | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 11. | 6.             | Ngô Quốc Anh     | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 12. | 7.             | Đỗ Việt Cường    | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 13. | 8.             | Vũ Thị Ngọc Ánh  | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |
| 14. | 9.             | Hoàng Anh Đức    | Khoa Toán - Cơ - Tin học                                   | 68/68                   |         |

| STT | STT của đơn vị | Họ và tên             | Đơn vị                   | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|---------|
| 15. | 10.            | Hoàng Thị Phương Thảo | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |         |
| 16. | 11.            | Nguyễn Tiến Tài       | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |         |
| 17. | 12.            | Trịnh Hoàng Dũng      | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 66/68                   |         |
| 18. | 13.            | Trịnh Viết Dực        | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |         |
| 19. | 14.            | Quản Thái Hà          | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 64/68                   |         |
| 20. | 15.            | Phan Thế Sơn          | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |         |
| 21. | 16.            | Trần Phương Thảo      | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 68/68                   |         |
| 22. | 17.            | Vũ Thị Hương Thảo     | Khoa Toán - Cơ - Tin học | 67/68                   |         |
| 23. | 1.             | Nguyễn Từ Niệm        | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 24. | 2.             | Bùi Hồng Vân          | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 25. | 3.             | Bạch Hương Giang      | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 26. | 4.             | Phạm Thành Luân       | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 27. | 5.             | Nguyễn Văn Phú        | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 28. | 6.             | Nguyễn Hoàng Nam      | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 29. | 7.             | Nguyễn Đình Nam       | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 30. | 8.             | Lê Tuấn Tú            | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 31. | 9.             | Nguyễn Ngọc Đình      | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |
| 32. | 10.            | Nguyễn Việt Tuyên     | Khoa Vật lý              | 64/64                   |         |

| STT | STT<br>của<br>đơn vị | Họ và tên               | Đơn vị       | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------|--------------|-------------------------------|------------|
| 33. | 11.                  | Sái Công Doanh          | Khoa Vật lý  | 63/64                         |            |
| 34. | 12.                  | Nguyễn Duy Thiện        | Khoa Vật lý  | 63/64                         |            |
| 35. | 13.                  | Bùi Thị Hồng            | Khoa Vật lý  | 63/64                         |            |
| 36. | 14.                  | Nguyễn Quang Hòa        | Khoa Vật lý  | 63/64                         |            |
| 37. | 15.                  | Trần Hải Đức            | Khoa Vật lý  | 62/64                         |            |
| 38. | 16.                  | Nguyễn Thị Dung         | Khoa Vật lý  | 62/64                         |            |
| 39. | 17.                  | Ngô Thu Hương           | Khoa Vật lý  | 62/64                         |            |
| 40. | 18.                  | Cao Thị Vi Ba           | Khoa Vật lý  | 61/64                         |            |
| 41. | 19.                  | Lê Quang Thảo           | Khoa Vật lý  | 61/64                         |            |
| 42. | 1.                   | Nguyễn Minh Ngọc        | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 43. | 2.                   | Nguyễn Văn Thức         | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 44. | 3.                   | Đào Sỹ Đức              | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 45. | 4.                   | Trần Mạnh Trí           | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 46. | 5.                   | Nguyễn Mạnh Hà          | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 47. | 6.                   | Nguyễn Thị Ánh<br>Hường | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 48. | 7.                   | Nguyễn Hùng Huy         | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 49. | 8.                   | Nguyễn Xuân Viết        | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 50. | 9.                   | Chu Ngọc Châu           | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |

| STT | STT<br>của<br>đơn vị | Họ và tên                | Đơn vị       | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|--------------------------|--------------|-------------------------------|------------|
| 51. | 10.                  | Trịnh Xuân Đại           | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 52. | 11.                  | Phạm Chiến Thắng         | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 53. | 12.                  | Đặng Minh Hương<br>Giang | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 54. | 13.                  | Lê Thị Huyền             | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 55. | 14.                  | Cao Thị Thúy             | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 56. | 15.                  | Nguyễn Thị Kim<br>Thường | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 57. | 16.                  | Dương Hồng Anh           | Khoa Hoá học | 62/62                         |            |
| 58. | 17.                  | Hoàng Quốc Anh           | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 59. | 18.                  | Phạm Gia Bách            | Khoa Hóa học | 61/62                         |            |
| 60. | 19.                  | Vũ Duy Tùng              | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 61. | 20.                  | Phan Minh Giang          | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 62. | 21.                  | Đào Thị Nhung            | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 63. | 22.                  | Đỗ Huy Hoàng             | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 64. | 23.                  | Vũ Thị Bích Ngọc         | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 65. | 24.                  | Trần Đình Trinh          | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 66. | 25.                  | Phan Tuấn Ngọc           | Khoa Hoá học | 61/62                         |            |
| 67. | 26.                  | Nguyễn Minh Việt         | Khoa Hoá học | 60/62                         |            |
| 68. | 27.                  | Vũ Ngọc Duy              | Khoa Hoá học | 60/62                         |            |

| STT | STT<br>của<br>đơn vị | Họ và tên               | Đơn vị        | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------|---------------|-------------------------------|------------|
| 69. | 28.                  | Phan Thị Tuyết Mai      | Khoa Hoá học  | 60/62                         |            |
| 70. | 29.                  | Nguyễn Đình Thành       | Khoa Hoá học  | 57/62                         |            |
| 71. | 1.                   | Phạm Thị Bích           | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 72. | 2.                   | Bùi Thị Việt Hà         | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 73. | 3.                   | Nguyễn Quang Huy        | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 74. | 4.                   | Nguyễn Thị Tú Linh      | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 75. | 5.                   | Nguyễn Thị Hồng<br>Loan | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 76. | 6.                   | Trần Đức Long           | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 77. | 7.                   | Lê Quỳnh Mai            | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 78. | 8.                   | Trần Trung Thành        | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 79. | 9.                   | Lê Xuân Tuấn            | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 80. | 10.                  | Nguyễn Văn Vịnh         | Khoa Sinh học | 66/66                         |            |
| 81. | 11.                  | Hoàng Thị Mỹ Nhung      | Khoa Sinh học | 65/66                         |            |
| 82. | 12.                  | Nguyễn Thị Kim<br>Thanh | Khoa Sinh học | 65/66                         |            |
| 83. | 13.                  | Phạm Thế Hải            | Khoa Sinh học | 65/66                         |            |
| 84. | 14.                  | Trịnh Thu Hiền          | Khoa Sinh học | 65/66                         |            |
| 85. | 15.                  | Nguyễn Thành Nam        | Khoa Sinh học | 64/66                         |            |
| 86. | 1.                   | Phạm Văn Mạnh           | Khoa Địa lý   | 33/33                         |            |

| STT  | STT<br>của<br>đơn vị | Họ và tên           | Đơn vị                                      | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|------|----------------------|---------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------|
| 87.  | 2.                   | Ngô Văn Liêm        | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 88.  | 3.                   | Phạm Sỹ Liêm        | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 89.  | 4.                   | Nguyễn Thị Hà Thành | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 90.  | 5.                   | Trần Văn Tuấn       | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 91.  | 6.                   | Vũ Phương Lan       | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 92.  | 7.                   | Lê Phương Thúy      | Khoa Địa lý                                 | 33/33                         |            |
| 93.  | 8.                   | Đặng Thị Ngọc       | Khoa Địa lý                                 | 32/33                         |            |
| 94.  | 1.                   | Nguyễn Thị Thu Hà   | Khoa Địa chất                               | 26/27                         |            |
| 95.  | 2.                   | Dương Thị Toan      | Khoa Địa chất                               | 26/27                         |            |
| 96.  | 3.                   | Tạ Thị Hoài         | Khoa Địa chất                               | 23/27                         |            |
| 97.  | 4.                   | Nguyễn Đình Thái    | Khoa Địa chất                               | 27/27                         |            |
| 98.  | 5.                   | Phạm Nguyễn Hà Vũ   | Khoa Địa chất                               | 22/27                         |            |
| 99.  | 6.                   | Bùi Văn Đông        | Khoa Địa chất                               | 24/27                         |            |
| 100. | 1.                   | Đào Thị Hòa         | Khoa Khí tượng Thủy<br>văn và Hải dương học | 21/21                         |            |
| 101. | 2.                   | Nguyễn Minh Trường  | Khoa Khí tượng Thủy<br>văn và Hải dương học | 20/21                         |            |
| 102. | 3.                   | Bùi Minh Tuấn       | Khoa Khí tượng Thủy<br>văn và Hải dương học | 20/21                         |            |

| STT  | STT của đơn vị | Họ và tên            | Đơn vị                                   | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|------|----------------|----------------------|------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 103. | 4.             | Ngô Chí Tuấn         | Khoa Khí tượng Thủy văn và Hải dương học | 20/21                   |         |
| 104. | 1.             | Phạm Văn Anh         | Khoa Môi trường                          | 46/47/47                |         |
| 105. | 2.             | Nguyễn Văn Lợi       | Khoa Môi trường                          | 47/47/47                |         |
| 106. | 3.             | Nguyễn Minh Phương   | Khoa Môi trường                          | 47/47/47                |         |
| 107. | 4.             | Trần Văn Quy         | Khoa Môi trường                          | 39/47/47                |         |
| 108. | 5.             | Phạm Văn Quang       | Khoa Môi trường                          | 47/47/47                |         |
| 109. | 6.             | Phạm Anh Hùng        | Khoa Môi trường                          | 47/47/47                |         |
| 110. | 7.             | Phạm Thị Thu Hà      | Khoa Môi trường                          | 46/47/47                |         |
| 111. | 8.             | Hoàng Minh Trang     | Khoa Môi trường                          | 41/47/47                |         |
| 112. | 9.             | Trần Thị Huyền Nga   | Khoa Môi trường                          | 40/47/47                |         |
| 113. | 10.            | Hoàng Anh Lê         | Khoa Môi trường                          | 44/47/47                |         |
| 114. | 11.            | Nguyễn Thị Hạnh      | Khoa Môi trường                          | 43/47/47                |         |
| 115. | 12.            | Lê Thị Hoàng Oanh    | Khoa Môi trường                          | 40/47/47                |         |
| 116. | 13.            | Đỗ Hữu Tuấn          | Khoa Môi trường                          | 46/47/47                |         |
| 117. | 14.            | Nguyễn Kiều Băng Tâm | Khoa Môi trường                          | 46/47/47                |         |
| 118. | 1.             | Phạm Văn Quốc        | Trường THPT Chuyên KHTN                  | 63/64                   |         |
| 119. | 2.             | Vũ Hải Sâm           | Trường THPT Chuyên KHTN                  | 63/64                   |         |
| 120. | 3.             | Nguyễn Công Toàn     | Trường THPT Chuyên KHTN                  | 63/64                   |         |

| STT  | STT của đơn vị | Họ và tên           | Đơn vị                                     | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|------|----------------|---------------------|--------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 121. | 4.             | Nguyễn Bảo Trung    | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 62/64                   |         |
| 122. | 5.             | Nguyễn Vũ Minh Hạnh | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 59/64                   |         |
| 123. | 6.             | Lê Công Lợi         | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 59/64                   |         |
| 124. | 7.             | Trần Quang Hùng     | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 58/64                   |         |
| 125. | 8.             | Đinh Quốc Hưng      | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 57/64                   |         |
| 126. | 9.             | Đinh Thị Phương Thu | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 57/64                   |         |
| 127. | 10.            | Nguyễn Quang Trung  | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 55/64                   |         |
| 128. | 11.            | Nguyễn Thị Bằng Nga | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 53/64                   |         |
| 129. | 12.            | Vi Anh Tuấn         | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 53/64                   |         |
| 130. | 13.            | Phạm Thị Lương Hằng | Trường THPT Chuyên KHTN                    | 52/64                   |         |
| 131. | 1.             | Nguyễn Bách Tùng    | Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên             | 09/09                   |         |
| 132. | 2.             | Nguyễn Lê Minh Hà   | Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên             | 09/09                   |         |
| 133. | 1.             | Phạm Tiến Đức       | Phòng Đào tạo                              | 15/15/17                |         |
| 134. | 2.             | Trần Long           | Phòng Đào tạo                              | 15/15/17                |         |
| 135. | 3.             | Lương Chi Lan       | Phòng Đào tạo                              | 15/15/17                |         |
| 136. | 4.             | Hoàng Đức Hùng      | Phòng Đào tạo                              | 15/15/17                |         |
| 137. | 5.             | Trần Thị Thu Thủy   | Phòng Đào tạo                              | 15/15/17                |         |
| 138. | 1.             | Hoàng Thị Minh Thảo | Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số | 09/10                   |         |

| STT  | STT của đơn vị | Họ và tên             | Đơn vị                                                                                      | Số phiếu bầu của đơn vị | Ghi chú |
|------|----------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|
| 139. | 2.             | Trương Thành Trung    | Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số                                                  | 09/10                   |         |
| 140. | 3.             | Nguyễn Ngọc Dương     | Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số                                                  | 09/10                   |         |
| 141. | 1.             | Nguyễn Thị Hoàng Liên | Nguyên Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Giảng viên cao cấp, Khoa Môi trường | 4/4                     |         |
| 142. | 2.             | Bùi Thanh Tú          | Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng                                             | 4/4                     |         |
| 143. | 3.             | Đinh Thị Hương        | Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng                                             | 4/4                     |         |
| 144. | 1.             | Nguyễn Thùy Dương     | Phòng Kế hoạch - Tài chính                                                                  | 08/08/09                |         |
| 145. | 1.             | Đinh Xuân Thành       | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính                                                           | 17/18/20                |         |
| 146. | 2.             | Nguyễn Thị Hồng Doan  | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính                                                           | 17/18/20                |         |
| 147. | 3.             | Trần Thị Huyền        | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính                                                           | 17/18/20                |         |
| 148. | 4.             | Trần Thúy Phương      | Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính                                                           | 17/18/20                |         |
| 149. | 1.             | Phạm Hoàng Long       | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 24/24                   |         |
| 150. | 2.             | Hồ Sơn Lâm            | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 24/24                   |         |
| 151. | 3.             | Võ Đăng Kiên          | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 23/24                   |         |
| 152. | 4.             | Nguyễn Thị Yên        | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 23/24                   |         |
| 153. | 5.             | Nguyễn Văn Mộc        | Phòng Quản trị - Bảo vệ                                                                     | 21/24                   |         |
| 154. | 1.             | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | Phòng Hợp tác và Phát triển                                                                 | 07/07                   |         |

| STT  | STT<br>của<br>đơn vị | Họ và tên           | Đơn vị                                                                              | Số phiếu<br>bầu của<br>đơn vị | Ghi<br>chú |
|------|----------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
| 155. | 1.                   | Bùi Quang Đô        | Văn phòng Đoàn TNCS<br>Hồ Chí Minh - Phòng<br>Công tác sinh viên và<br>Truyền thông | 10/10                         |            |
| 156. | 2.                   | Ngô Thị Minh Nguyệt | Phòng Công tác sinh<br>viên và Truyền thông                                         | 10/10                         |            |

Danh sách gồm 156 cá nhân./ *du*